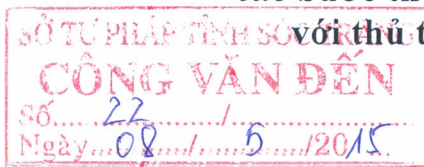


**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**
Số: **19** /2015/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Sóc Trăng, ngày **06** tháng 5 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục; thời gian các bước thực hiện thủ tục của từng cơ quan, đơn vị có liên quan đối với thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục; thời gian các bước thực hiện thủ tục của từng cơ quan, đơn vị có liên quan đối với thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 34/2010/QĐ-UBND ngày 16/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng, ban hành Quy định về thời gian và cơ chế phối hợp thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận, đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, thủ trưởng các Sở, Ban ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn tỉnh Sóc Trăng và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3; ✓
- Các Bộ: TN&MT, XD;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: KT, XD, HC, VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Thành Nghiệp



QUY ĐỊNH

Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục; thời gian các bước thực hiện thủ tục của từng cơ quan, đơn vị có liên quan đối với thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: **19** /2015/QĐ-UBND ngày **06** /5/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định cụ thể về cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục; thời gian các bước thực hiện thủ tục của từng cơ quan, đơn vị có liên quan và việc giải quyết liên thông giữa các cơ quan có liên quan theo cơ chế một cửa đối với thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng theo Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai (gọi tắt là Nghị định số 43/2014/NĐ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý nhà nước; cơ quan chuyên môn về tài nguyên và môi trường, nhà ở và công trình xây dựng, nông nghiệp và phát triển nông thôn, tài chính và các cơ quan khác có liên quan; cán bộ địa chính xã, phường, thị trấn.

2. Người sử dụng đất; người xin giao đất, thuê đất; chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Không áp dụng quy định này đối với trường hợp cấp giấy chứng nhận và đăng ký biến động cho các tổ chức, cá nhân được nhà nước giao đất, cho thuê đất trong khu công nghiệp để thực hiện dự án đầu tư.

Điều 3. Cơ quan tiếp nhận và giải quyết hồ sơ

1. Trường hợp tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư được quy định tại Khoản 3 Điều 55 và Điểm đ, e Khoản 1 Điều 56 Luật Đất đai năm 2013; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao (gọi tắt là tổ chức) xin giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (gọi tắt là Giấy chứng nhận); Đăng ký thế chấp và xóa đăng ký thế chấp nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và hoàn trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường; cơ quan giải quyết hồ sơ là Văn phòng đăng ký đất đai hoặc chưa thành lập Văn phòng đăng ký đất đai thì Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp tỉnh (gọi tắt là Văn phòng) và Sở Tài nguyên và Môi trường.

2. Trường hợp là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam (gọi tắt là hộ gia đình, cá nhân) xin giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất và cấp Giấy chứng nhận; Đăng ký thế chấp và xóa đăng ký thế chấp nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và hoàn trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có đất hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất; cơ quan giải quyết hồ sơ là chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai (gọi tắt là chi nhánh Văn phòng) hoặc chưa thành lập chi nhánh Văn phòng thì Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cấp huyện (gọi tắt là Văn phòng đăng ký cấp huyện) và Phòng Tài nguyên và Môi trường.

Điều 4. Thời gian thực hiện thủ tục hành chính

1. Thời gian thực hiện thủ tục hành chính theo Điều 61 và Điều 63 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Quy định này là số ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, không kể thời gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, thời gian trích lục, trích đo địa chính thửa đất và thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định.

2. Khi tiếp nhận hồ sơ, nếu trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, trong thời hạn không quá 03 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

Chương II

THỜI GIAN CỦA CƠ QUAN THỰC HIỆN THỦ TỤC GIAO ĐẤT, THUÊ ĐẤT VÀ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT

Điều 5. Thời gian thẩm định nhu cầu sử dụng đất, thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất (quy định tại Khoản 1 Điều 68 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP)

1. Thẩm định nhu cầu sử dụng đất, thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án phải cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

Thời gian thực hiện không quá 25 ngày, cụ thể như sau:

a) Khi chủ đầu tư nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận đầu tư hoặc hồ sơ thẩm định dự án đầu tư hoặc xét duyệt dự án, cơ quan thẩm định có trách nhiệm yêu cầu chủ đầu tư nộp hồ sơ thẩm định nhu cầu sử dụng đất, thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất đến cơ quan tài nguyên và môi trường để tổ chức thẩm định đồng thời.

b) Không quá mười (10) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ thẩm định hợp lệ, cơ quan tài nguyên và môi trường có văn bản lấy ý kiến các ngành có liên quan về nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, thuê đất và tổ chức kiểm tra thực địa.

c) Không quá mười (10) ngày, các ngành có trách nhiệm gửi văn bản tham gia ý kiến về nhu cầu sử dụng đất về cơ quan tài nguyên và môi trường, trong đó: Cơ quan tài chính có ý kiến về năng lực tài chính theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 58 Luật Đất đai và Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; cơ quan kế hoạch và đầu tư có ý kiến về việc ký quỹ theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 58 Luật Đất đai và Điều 14 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP.

d) Không quá năm (05) ngày kể từ ngày nhận đầy đủ ý kiến của các ngành, cơ quan tài nguyên và môi trường có văn bản thẩm định gửi đến chủ đầu tư để lập hồ sơ xin giao đất, thuê đất.

2. Thẩm định nhu cầu sử dụng đất, thẩm định điều kiện giao đất, thuê đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp Giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

Thời gian thực hiện không quá 25 ngày, cụ thể như sau:

a) Không quá mười (10) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ thẩm định hợp lệ, cơ quan tài nguyên và môi trường có văn bản lấy ý kiến các ngành có liên quan về nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, thuê đất và tổ chức kiểm tra thực địa.

b) Không quá mười (10) ngày, các ngành có trách nhiệm gửi văn bản tham gia ý kiến về nhu cầu sử dụng đất gửi cơ quan tài nguyên và môi trường, trong đó: Cơ quan tài chính có ý kiến về năng lực tài chính theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 58 Luật Đất đai năm 2013 và Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; cơ quan kế hoạch và đầu tư có ý kiến về việc ký quỹ theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 58 Luật Đất đai và Điều 14 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP.

c) Không quá năm (05) ngày kể từ ngày nhận đầy đủ ý kiến của các ngành, cơ quan tài nguyên và môi trường có văn bản thẩm định gửi đến chủ đầu tư để lập hồ sơ xin giao đất, thuê đất.

3. Trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào mục đích khác: Thời gian và các công việc theo quy định tại Khoản 2 Điều này sau khi Thủ tướng Chính phủ có văn bản chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất, Hội đồng nhân dân tỉnh có Nghị quyết về việc chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại Khoản 2 Điều 68 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP.

Điều 6. Thời gian thực hiện thủ tục giao đất

1. Trường hợp giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất (quy định tại Khoản 3 Điều 68 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP).

Thời gian thực hiện không quá 20 ngày (không bao gồm thời gian thực hiện việc xác định nghĩa vụ tài chính của cơ quan thuế theo quy định tại Điểm d Khoản này), cụ thể như sau:

a) Không quá ba (03) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ xin giao đất hợp lệ, cơ quan tài nguyên và môi trường trình Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định giao đất.

b) Không quá năm (05) ngày, Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền ký Quyết định giao đất.

c) Không quá hai (02) ngày kể từ ngày nhận hồ sơ của cơ quan tài nguyên và môi trường (không kể thời gian xác định giá thu tiền sử dụng đất), Văn phòng hoặc chi nhánh Văn phòng thực hiện theo thẩm quyền gửi số liệu địa chính đến cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính.

d) Không quá năm (05) ngày kể từ ngày nhận hồ sơ của Văn phòng hoặc chi nhánh Văn phòng thực hiện theo thẩm quyền chuyển đến, cơ quan thuế có trách nhiệm thông báo nghĩa vụ tài chính cho người được giao đất.

đ) Không quá bốn (04) ngày kể từ ngày người được giao đất hoàn thành nghĩa vụ tài chính, Văn phòng hoặc chi nhánh Văn phòng thực hiện theo thẩm quyền in Giấy chứng nhận, cập nhật hồ sơ vào cơ sở dữ liệu địa chính và trình cơ quan tài nguyên và môi trường cấp có thẩm quyền.

e) Không quá một (01) ngày, cơ quan tài nguyên và môi trường trình UBND cấp có thẩm quyền ký Giấy chứng nhận đối với trường hợp không được ủy quyền.

f) Không quá ba (03) ngày, Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền hoặc cơ quan được ủy quyền ký Giấy chứng nhận.

g) Không quá hai (02) ngày kể từ ngày ký Giấy chứng nhận (không kể thời gian phát thư mời tổ chức bàn giao), cơ quan tài nguyên và môi trường tổ chức giao đất trên thực địa và trao Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất.

2. Trường hợp giao đất không thu tiền sử dụng đất (quy định tại Khoản 3 Điều 68 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP): Thời gian thực hiện không quá 18 ngày, cụ thể thực hiện theo thời gian và các bước công việc quy định tại các Điểm a, b, đ, e, f, g Khoản 1 Điều này.

Điều 7. Thời gian thực hiện thủ tục cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất (quy định tại Khoản 3 Điều 68 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP)

Thời gian thực hiện không quá 20 ngày, cụ thể như sau:

1. Không quá ba (03) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ xin thuê đất hợp lệ, cơ quan tài nguyên và môi trường trình Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định cho thuê đất.

2. Không quá năm (05) ngày, Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền ký Quyết định cho thuê đất.

3. Không quá hai (02) ngày (không kể thời gian xác định giá thu tiền thuê đất), cơ quan tài nguyên và môi trường ký hợp đồng thuê đất và chuyển hồ sơ đến Văn phòng hoặc chi nhánh Văn phòng thực hiện theo thẩm quyền.

4. Không quá bốn (04) ngày, Văn phòng hoặc chi nhánh Văn phòng thực hiện theo thẩm quyền in Giấy chứng nhận, cập nhật hồ sơ vào cơ sở dữ liệu địa chính và trình cơ quan tài nguyên và môi trường cấp có thẩm quyền.

5. Không quá một (01) ngày, cơ quan tài nguyên và môi trường trình Ủy ban nhân dân cùng cấp ký Giấy chứng nhận đối với trường hợp không được ủy quyền.

6. Không quá ba (03) ngày, Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền hoặc cơ quan được ủy quyền ký Giấy chứng nhận.

7. Không quá hai (02) ngày kể từ ngày ký Giấy chứng nhận (không kể thời gian phát thư mời tổ chức bàn giao), cơ quan tài nguyên và môi trường tổ chức giao đất trên thực địa và trao Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất.

Điều 8. Thời gian thực hiện thủ tục cho phép chuyển mục đích sử dụng đất (quy định tại Điều 69 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP)

Thời gian thực hiện không quá 15 ngày (không bao gồm thời gian thực hiện việc xác định nghĩa vụ tài chính của cơ quan thuế theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều này), cụ thể như sau:

1. Trường hợp chuyển mục đích sử dụng từ các loại đất không phải đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng sang mục đích khác:

a) Không quá ba (03) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ xin chuyển mục đích sử dụng đất hợp lệ, cơ quan tài nguyên và môi trường trình UBND cùng cấp quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

b) Không quá năm (05) ngày, Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền ký Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

Trường hợp người sử dụng đất thuộc đối tượng thuê đất thì thực hiện thời gian và các công việc theo quy định tại các Khoản 3, 4, 5, 6, 7 Điều 7 Quy định này.

c) Không quá hai (02) ngày kể từ ngày nhận hồ sơ của cơ quan tài nguyên và môi trường (không kể thời gian xác định giá thu tiền sử dụng đất), Văn phòng hoặc chi nhánh Văn phòng thực hiện theo thẩm quyền gửi số liệu địa chính đến cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính.

d) Không quá năm (05) ngày kể từ ngày nhận hồ sơ của Văn phòng hoặc chi nhánh Văn phòng chuyển đến, cơ quan thuế có trách nhiệm thông báo nghĩa vụ tài chính cho người được chuyển mục đích sử dụng đất.

đ) Không quá bốn (04) ngày kể từ ngày người được chuyển mục đích sử dụng đất hoàn thành nghĩa vụ tài chính, Văn phòng hoặc chi nhánh Văn phòng thực hiện theo thẩm quyền chỉnh lý Giấy chứng nhận và cập nhật hồ sơ vào cơ sở dữ liệu địa chính.

Trường hợp người sử dụng đất đề nghị cấp Giấy chứng nhận mới thì thực hiện theo quy định tại Điều 16 quy định này.

e) Không quá một (01) ngày kể từ ngày chỉnh lý biến động, cơ quan tài nguyên và môi trường trao Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất.

2. Trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào mục đích khác: Thời gian và các công việc được thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều này sau khi Thủ tướng Chính phủ có văn bản chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có Nghị quyết về việc chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại Khoản 2 Điều 68 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP.

Chương III

THỜI GIAN THỰC HIỆN THỦ TỤC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

Điều 9. Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận lần đầu cho hộ gia đình, cá nhân (quy định tại Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP)

Thời gian thực hiện không quá 27 ngày (không bao gồm thời gian thực hiện của cơ quan quản lý tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp phải lấy ý kiến và thời gian thực hiện việc xác định nghĩa vụ tài chính của cơ quan thuế quy định tại Khoản 4 và 5 Điều này), cụ thể như sau:

1. Trường hợp người đề nghị cấp Giấy chứng nhận nộp hồ sơ tại chi nhánh Văn phòng, không quá hai (02) ngày kể từ ngày nhận hồ sơ, chi nhánh Văn phòng chuyển hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Không quá ba (03) ngày (không kể thời gian công khai kết quả kiểm tra hồ sơ 15 ngày), kể từ ngày nhận hồ sơ của chi nhánh Văn phòng chuyển đến hoặc nhận hồ sơ của người đề nghị cấp Giấy chứng nhận nộp, UBND cấp xã thực hiện công việc quy định tại các Điểm a, b và c Khoản 2 Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và chuyển hồ sơ đến chi nhánh Văn phòng.

3. Không quá bảy (07) ngày (không kể thời gian của cơ quan quản lý tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp phải lấy ý kiến theo Khoản 4 Điều này), chi nhánh Văn phòng thực hiện công việc quy định tại các Điểm c, d, đ và e Khoản 3 Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP.

4. Không quá năm (05) ngày, cơ quan quản lý nhà nước đối với tài sản gắn liền với đất có trách nhiệm trả lời bằng văn bản cho chi nhánh Văn phòng (nếu có).

Trường hợp người sử dụng đất chỉ thực hiện đăng ký, không đề nghị cấp Giấy chứng nhận thì không thực hiện các Khoản 5, 6, 7, 8 và 9 Điều này.

Trường hợp người sử dụng đất đề nghị cấp Giấy chứng nhận mà phải thực hiện nghĩa vụ tài chính, chi nhánh Văn phòng thực hiện gửi số liệu địa chính đến cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính.

5. Không quá năm (05) ngày kể từ ngày nhận hồ sơ của chi nhánh Văn phòng chuyển đến, cơ quan thuế có trách nhiệm thông báo nghĩa vụ tài chính cho người sử dụng đất (nếu có).

6. Không quá bảy (07) ngày kể từ ngày người sử dụng đất hoàn thành nghĩa vụ tài chính nộp lại, chi nhánh Văn phòng thực hiện công việc quy định tại Điểm g Khoản 3 Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và trình Phòng Tài nguyên và Môi trường cùng cấp.

7. Không quá ba (03) ngày, Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện trình UBND cấp huyện.

8. Không quá ba (03) ngày, Ủy ban nhân dân cấp huyện ký Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất.

9. Không quá hai (02) ngày, chi nhánh Văn phòng trao Giấy chứng nhận cho người đề nghị cấp Giấy chứng nhận (trường hợp nộp hồ sơ tại chi nhánh Văn phòng) hoặc chuyển Giấy chứng nhận cho Ủy ban nhân dân cấp xã để trao cho người đề nghị cấp Giấy chứng nhận (trường hợp nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã), đồng thời thông báo biến động theo quy định.

Điều 10. Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận lần đầu cho tổ chức (quy định tại Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP)

Thời gian thực hiện không quá 22 ngày (không bao gồm thời gian thực hiện của cơ quan quản lý tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp phải lấy ý kiến và thời gian thực hiện việc xác định nghĩa vụ tài chính của cơ quan thuế quy định tại Khoản 2 và 3 Điều này), cụ thể như sau:

1. Không quá sáu (06) ngày (không kể thời gian của cơ quan quản lý tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp phải lấy ý kiến theo quy định tại Khoản 2 Điều này), Văn phòng thực hiện công việc quy định tại các Điểm c, d, đ và e Khoản 3 Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP.

2. Không quá năm (05) ngày, cơ quan quản lý nhà nước đối với tài sản gắn liền với đất có trách nhiệm trả lời bằng văn bản cho Văn phòng (nếu có).

Trường hợp người sử dụng đất chỉ thực hiện đăng ký, không đề nghị cấp Giấy chứng nhận thì không thực hiện các Khoản 3, 4, 5, 6 và 7 Điều này.

Trường hợp người sử dụng đất đề nghị cấp giấy chứng nhận mà phải thực hiện nghĩa vụ tài chính, Văn phòng thực hiện gửi số liệu địa chính đến cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính.

3. Không quá năm (05) ngày kể từ ngày nhận hồ sơ của Văn phòng chuyển đến, cơ quan thuế có trách nhiệm thông báo nghĩa vụ tài chính cho người sử dụng đất.

4. Không quá chín (09) ngày kể từ ngày người sử dụng đất hoàn thành nghĩa vụ tài chính nộp lại, Văn phòng thực hiện các công việc quy định tại Điểm g Khoản 3 Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và trình Sở Tài nguyên và Môi trường.

5. Không quá hai (02) ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh ký Giấy chứng nhận đối với trường hợp không được ủy quyền.

6. Không quá ba (03) ngày Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc cơ quan được ủy quyền ký Giấy chứng nhận.

7. Không quá hai (02) ngày kể từ ngày ký Giấy chứng nhận, Văn phòng trao Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất, đồng thời thông báo biến động theo quy định.

Điều 11. Cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp người sử dụng đất đăng ký bổ sung đối với tài sản gắn liền với đất (quy định tại Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP)

1. Trường hợp cấp Giấy chứng nhận do bổ sung tài sản gắn liền với đất cho tổ chức.

Thời gian thực hiện không quá 18 ngày (không bao gồm thời gian thực hiện của cơ quan quản lý tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp phải lấy ý kiến và thời gian thực hiện việc xác định nghĩa vụ tài chính của cơ quan thuế theo quy định tại Điểm b và c Khoản này), cụ thể như sau:

a) Không quá sáu (06) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không kể thời gian của cơ quan quản lý tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp phải lấy ý kiến theo Điểm b Khoản 1 Điều này), Văn phòng thực hiện công việc theo quy định tại các Điểm c, d, đ và e Khoản 3 Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và thực hiện gửi số liệu địa chính đến cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính.

b) Không quá năm (05) ngày, cơ quan quản lý nhà nước đối với tài sản gắn liền với đất có trách nhiệm trả lời bằng văn bản cho Văn phòng (nếu có).

c) Không quá năm (05) ngày kể từ ngày nhận hồ sơ của Văn phòng chuyển đến, cơ quan thuế có trách nhiệm thông báo nghĩa vụ tài chính cho người sử dụng đất.

d) Không quá sáu (06) ngày kể từ ngày người sử dụng đất hoàn thành nghĩa vụ tài chính nộp lại, Văn phòng thực hiện công việc theo quy định tại Điểm g Khoản 3 Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và trình Sở Tài nguyên và Môi trường.

đ) Không quá hai (02) ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh ký Giấy chứng nhận đối với trường hợp không được ủy quyền.

e) Không quá ba (03) ngày, UBND tỉnh hoặc cơ quan được ủy quyền ký Giấy chứng nhận.

f) Không quá một (01) ngày, kể từ ngày UBND tỉnh ký Giấy chứng nhận, Văn phòng trao Giấy chứng nhận cho người đề nghị, đồng thời thông báo biến động theo quy định.

2. Trường hợp cấp Giấy chứng nhận do bổ sung tài sản gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân.

Thời gian thực hiện không quá 20 ngày (không bao gồm thời gian thực hiện của cơ quan quản lý tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp phải lấy ý kiến và thời gian thực hiện việc xác định nghĩa vụ tài chính của cơ quan thuế theo quy định tại Điểm d và đ Khoản này), cụ thể như sau:

a) Trường hợp người đề nghị cấp Giấy chứng nhận nộp hồ sơ tại chi nhánh Văn phòng, không quá hai (02) ngày kể từ ngày nhận hồ sơ, chi nhánh Văn phòng hoặc Văn phòng đăng ký cấp huyện chuyển hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Không quá ba (03) ngày (không kể thời gian công khai kết quả kiểm tra hồ sơ 15 ngày), kể từ ngày nhận hồ sơ của chi nhánh Văn phòng hoặc Văn phòng đăng ký cấp huyện chuyển đến hoặc nhận hồ sơ của người đề nghị cấp Giấy chứng nhận nộp, UBND cấp xã thực hiện các công việc theo quy định tại Điểm a, b và c Khoản 2 Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và chuyển hồ sơ đến chi nhánh Văn phòng hoặc Văn phòng đăng ký cấp huyện.

c) Không quá năm (05) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không kể thời gian của cơ quan quản lý tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp phải lấy ý kiến theo Điểm d Khoản này), chi nhánh Văn phòng hoặc Văn phòng đăng ký cấp huyện thực hiện công việc theo quy định tại các Điểm c, d, đ và e Khoản 3 Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và gửi số liệu địa chính đến cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính.

d) Không quá năm (05) ngày, cơ quan quản lý nhà nước đối với tài sản gắn liền với đất có trách nhiệm trả lời bằng văn bản cho chi nhánh Văn phòng hoặc Văn phòng đăng ký cấp huyện (nếu có).

đ) Không quá năm (05) ngày kể từ ngày nhận hồ sơ của chi nhánh Văn phòng hoặc Văn phòng đăng ký cấp huyện chuyển đến, cơ quan thuế có trách nhiệm thông báo nghĩa vụ tài chính cho người sử dụng đất.

e) Không quá bốn (04) ngày kể từ ngày người sử dụng đất hoàn thành nghĩa vụ tài chính nộp lại, chi nhánh Văn phòng hoặc Văn phòng đăng ký cấp huyện thực hiện công việc quy định tại Điểm g Khoản 3 Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và trình Phòng Tài nguyên và Môi trường cùng cấp.

f) Không quá hai (02) ngày, Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện trình UBND cấp huyện.

g) Không quá ba (03) ngày, UBND cấp huyện ký Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất.

h) Không quá một (01) ngày, chi nhánh Văn phòng hoặc Văn phòng đăng ký cấp huyện trao Giấy chứng nhận cho người đề nghị (trường hợp nộp hồ sơ tại Chi nhánh Văn phòng) hoặc chuyển Giấy chứng nhận cho UBND cấp xã để trao cho người đề nghị (trường hợp nộp hồ sơ tại UBND cấp xã), đồng thời thông báo biến động theo quy định.

Điều 12. Đăng ký đất đai đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý (quy định tại Điều 71 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP)

Không quá mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ của người được Nhà nước giao để quản lý, Văn phòng thực hiện các công việc theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều 71 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP.

Điều 13. Cấp Giấy chứng nhận cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở và công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở (quy định tại Điều 72 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP)

Không quá ba mươi (30) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của chủ đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện các công việc theo quy định tại Khoản 2 Điều 72 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và gửi thông báo cho chủ đầu tư dự án về kết quả kiểm tra. Nếu trường hợp chủ đầu tư dự án có vi phạm pháp luật về đất đai, pháp luật về xây dựng, pháp luật về nhà ở thì Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo UBND tỉnh để xử lý theo quy định. Trường hợp đủ điều kiện thì gửi thông báo kèm theo sơ đồ nhà đất đã kiểm tra cho Văn phòng để làm thủ tục đăng ký nhà, đất cho bên mua.

1. Trường hợp bên nhận chuyển nhượng là tổ chức trong nước; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao.

Thời gian thực hiện không quá 20 ngày (không bao gồm thời gian thực hiện việc xác định nghĩa vụ tài chính của cơ quan thuế theo quy định tại Điểm b Khoản này), cụ thể như sau:

a) Không quá sáu (06) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của người đề nghị cấp Giấy chứng nhận, Văn phòng thực hiện công việc theo quy định tại Điểm a và b Khoản 4 Điều 72 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP.

b) Không quá năm (05) ngày kể từ ngày nhận hồ sơ của Văn phòng chuyển đến, cơ quan thuế có trách nhiệm thông báo nghĩa vụ tài chính cho người sử dụng đất.

c) Không quá chín (09) ngày kể từ ngày người sử dụng đất hoàn thành nghĩa vụ tài chính nộp lại, Văn phòng thực hiện công việc quy định tại các Điểm c, d và đ Khoản 4 Điều 72 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và trình Sở Tài nguyên và Môi trường.

Trường hợp chuyển nhượng một phần thửa đất, Văn phòng ký xác nhận thay đổi vào Giấy chứng nhận đã cấp của bên chuyển nhượng trước khi trình Sở Tài nguyên và Môi trường.

d) Không quá ba (03) ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường ký Giấy chứng nhận.

đ) Không quá hai (02) ngày, Văn phòng trao Giấy chứng nhận cho người nhận chuyển nhượng; đồng thời trả lại Giấy chứng nhận đã xác nhận thay đổi cho người chuyển nhượng và lập thông báo biến động theo quy định.

2. Trường hợp người nhận chuyển nhượng là hộ gia đình, cá nhân khi đã thành lập chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.

Thời gian thực hiện không quá 25 ngày (không bao gồm thời gian thực hiện việc xác định nghĩa vụ tài chính của cơ quan thuế theo quy định tại Điểm b Khoản này), cụ thể như sau:

a) Không quá năm (05) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của người đề nghị cấp Giấy chứng nhận, chi nhánh Văn phòng thực hiện công việc theo quy định tại Điểm a và b Khoản 4 Điều 72 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP.

b) Không quá năm (05) ngày kể từ ngày nhận hồ sơ của chi nhánh Văn phòng chuyển đến, cơ quan thuế có trách nhiệm thông báo nghĩa vụ tài chính cho người sử dụng đất.

c) Không quá mười (10) ngày kể từ ngày người sử dụng đất hoàn thành nghĩa vụ tài chính nộp lại, chi nhánh Văn phòng thực hiện công việc theo quy định tại các Điểm c, d và đ Khoản 4 Điều 72 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và thông báo biến động, Giấy chứng nhận của chủ đầu tư kèm theo hồ sơ có liên quan cho Văn phòng để thực hiện chỉnh lý Giấy chứng nhận.

d) Không quá năm (05) ngày, Văn phòng nhận được thông báo biến động của chi nhánh Văn phòng gửi đến, Văn phòng thực hiện chỉnh lý Giấy chứng nhận của chủ đầu tư trong trường hợp chuyển nhượng một phần thửa đất và trình Sở Tài nguyên và Môi trường.

đ) Không quá ba (03) ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường ký Giấy chứng nhận.

e) Không quá hai (02) ngày, chi nhánh Văn phòng trao Giấy chứng nhận cho người nhận chuyển nhượng; đồng thời trả lại Giấy chứng nhận đã xác nhận thay đổi cho chủ đầu tư và lập thông báo biến động theo quy định.

3. Trường hợp người nhận chuyển nhượng là hộ gia đình, cá nhân khi chưa thành lập chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.

Thời gian thực hiện không quá 25 ngày (không bao gồm thời gian thực hiện việc xác định nghĩa vụ tài chính của cơ quan thuế theo quy định tại Điểm b Khoản này), cụ thể như sau:

a) Không quá năm (05) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của người đề nghị cấp Giấy chứng nhận, Văn phòng đăng ký cấp huyện thực hiện công việc quy định tại Điểm a và b Khoản 4 Điều 72 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP.

b) Không quá năm (05) ngày kể từ ngày nhận hồ sơ của Văn phòng đăng ký cấp huyện chuyển đến, cơ quan thuế có trách nhiệm thông báo nghĩa vụ tài chính cho người sử dụng đất.

c) Không quá bảy (07) ngày kể từ ngày người sử dụng đất hoàn thành nghĩa vụ tài chính nộp lại, Văn phòng đăng ký cấp huyện thực hiện công việc theo quy định tại các Điểm c, d và đ Khoản 4 Điều 72 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và trình Phòng Tài nguyên và Môi trường cùng cấp.

d) Không quá ba (03) ngày, Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện trình UBND cấp huyện.

đ) Không quá ba (03) ngày, UBND cấp huyện ký giấy chứng nhận.

e) Không quá hai (02) ngày, Văn phòng đăng ký cấp huyện gửi thông báo biến động, Giấy chứng nhận của chủ đầu tư kèm theo hồ sơ có liên quan cho Văn phòng để thực hiện chỉnh lý Giấy chứng nhận trong trường hợp chuyển nhượng một phần thửa đất.

f) Không quá ba (03) ngày, Văn phòng chỉnh lý biến động theo quy định và gửi Giấy chứng nhận của chủ đầu tư (đối với trường hợp chuyển nhượng một phần thửa đất) cho Văn phòng đăng ký cấp huyện.

g) Không quá hai (02) ngày, Văn phòng đăng ký cấp huyện trao Giấy chứng nhận cho người nhận chuyển nhượng; đồng thời trả lại Giấy chứng nhận đã xác nhận thay đổi cho chủ đầu tư và lập thông báo biến động theo quy định.

Điều 14. Đăng ký xác lập hoặc thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề (quy định tại Điều 73 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP)

Không quá mười (10) ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ của người được Nhà nước giao để quản lý, Văn phòng, chi nhánh Văn phòng hoặc Văn phòng đăng ký cấp huyện thực hiện các công việc theo thẩm quyền quy định tại Khoản 2 Điều 73 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP.

Điều 15. Cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp tách thửa hoặc hợp thửa đất (quy định tại Điều 75 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP)

1. Trường hợp tách thửa, hợp thửa cho tổ chức.

Thời gian thực hiện không quá 18 ngày, cụ thể như sau:

a) Không quá mười hai (12) ngày, kể từ ngày nhận đơn đề nghị của người sử dụng đất, Văn phòng thực hiện theo quy định tại các Khoản 2, 3 và 4 Điều 75 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và trình Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Không quá ba (03) ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường ký Giấy chứng nhận.

c) Không quá ba (03) ngày, kể từ ngày ký Giấy chứng nhận, Văn phòng trao Giấy chứng nhận cho người đề nghị và lập thông báo biến động theo quy định.

2. Trường hợp tách thửa, hợp thửa cho hộ gia đình, cá nhân khi đã thành lập chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.

Thời gian thực hiện không quá 18 ngày, cụ thể như sau:

a) Không quá mười hai (12) ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ của người đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận, chi nhánh Văn phòng thực hiện công việc theo quy định tại các Khoản 2, 3 và 4 Điều 75 Nghị định 43/2014/NĐ-CP và trình Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Không quá ba (03) ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường ký Giấy chứng nhận.

c) Không quá ba (03) ngày, chi nhánh Văn phòng trao Giấy chứng nhận cho người đề nghị và lập thông báo biến động theo quy định.

3. Trường hợp tách thửa, hợp thửa cho hộ gia đình, cá nhân khi chưa thành lập chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.

Thời gian thực hiện không quá 18 ngày, cụ thể như sau:

a) Không quá mười một (11) ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ của người đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận, Văn phòng đăng ký cấp huyện thực hiện công việc quy định tại các Khoản 2, 3 và 4 Điều 75 Nghị định 43/2014/NĐ-CP và trình Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện.

b) Không quá hai (02) ngày, Phòng Tài nguyên và Môi trường trình UBND cấp huyện.

c) Không quá ba (03) ngày, UBND cấp huyện ký Giấy chứng nhận.

d) Không quá hai (02) ngày, Văn phòng đăng ký cấp huyện trao Giấy chứng nhận cho người đề nghị và lập thông báo biến động theo quy định.

Điều 16. Cấp đổi Giấy chứng nhận (quy định tại Khoản 1 Điều 76 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP)

1. Cấp đổi Giấy chứng nhận cho tổ chức.

Thời gian thực hiện không quá 10 ngày, cụ thể như sau:

a) Không quá năm (05) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của người đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận, Văn phòng thực hiện công việc theo quy định tại các Khoản 3 và 4 Điều 76 Nghị định 43/2014/NĐ-CP và trình Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Không quá ba (03) ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường ký Giấy chứng nhận.

c) Không quá hai (02) ngày kể từ ngày ký Giấy chứng nhận, Văn phòng trao Giấy chứng nhận cho người đề nghị; trường hợp cấp đổi Giấy chứng nhận đã cấp đang thế chấp tại các tổ chức tín dụng thực hiện trao Giấy chứng nhận theo Khoản 5 Điều 76 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và lập thông báo biến động theo quy định.

2. Cấp đổi Giấy chứng nhận cho hộ gia đình, cá nhân khi đã thành lập chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai (quy định tại Khoản 1 Điều 76 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP)

Thời gian thực hiện không quá 10 ngày, cụ thể như sau:

a) Không quá năm (05) ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ của người đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận, Chi nhánh Văn phòng thực hiện công việc theo quy định tại các Khoản 3 và 4 Điều 76 Nghị định 43/2014/NĐ-CP và trình Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Không quá ba (03) ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường ký Giấy chứng nhận.

c) Không quá hai (02) ngày, chi nhánh Văn phòng trao Giấy chứng nhận cho người đề nghị; trường hợp cấp đổi Giấy chứng nhận đã cấp đang thế chấp

tại các tổ chức tín dụng thực hiện trao Giấy chứng nhận theo quy định tại Khoản 5 Điều 76 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và lập thông báo biến động theo quy định.

3. Cấp đổi Giấy chứng nhận cho hộ gia đình, cá nhân khi chưa thành lập chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.

Thời gian thực hiện không quá 10 ngày, cụ thể như sau:

a) Không quá bốn (04) ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ của người đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận, Văn phòng đăng ký cấp huyện thực hiện công việc theo quy định tại các Khoản 3 và 4 Điều 76 Nghị định 43/2014/NĐ-CP và trình Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện.

b) Không quá hai (02) ngày, Phòng Tài nguyên và Môi trường trình UBND cấp huyện.

c) Không quá ba (03) ngày, UBND cấp huyện ký Giấy chứng nhận.

d) Không quá một (01) ngày, Văn phòng đăng ký cấp huyện trao Giấy chứng nhận cho người đề nghị; trường hợp cấp đổi Giấy chứng nhận đã cấp đang thế chấp tại các tổ chức tín dụng thực hiện trao Giấy chứng nhận theo Khoản 5 Điều 76 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và lập thông báo biến động theo quy định.

Điều 17. Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất (quy định tại Điều 77 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP)

1. Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất cho tổ chức.

Thời gian thực hiện không quá 22 ngày, cụ thể như sau:

a) Không quá mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ của người đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận, Văn phòng thực hiện các công việc theo quy định tại Khoản 3 Điều 77 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và trình Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Không quá năm (05) ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường ký Quyết định hủy Giấy chứng nhận đã mất, đồng thời ký cấp lại Giấy chứng nhận.

c) Không quá hai (02) ngày, kể từ ngày ký Giấy chứng nhận, Văn phòng trao Giấy chứng nhận cấp lại cho người sử dụng đất và lập thông báo biến động theo quy định.

2. Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất cho hộ gia đình, cá nhân khi đã thành lập chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.

Thời gian thực hiện không quá 25 ngày, cụ thể như sau:

a) Không quá mười bảy (17) ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ của người đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận, chi nhánh Văn phòng thực hiện các công việc theo quy định tại Khoản 3 Điều 77 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và trình Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Không quá năm (05) ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường ký quyết định hủy Giấy chứng nhận đã mất, đồng thời ký cấp lại Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất.

c) Không quá ba (03) ngày, chi nhánh Văn phòng trao Giấy chứng nhận cấp lại cho người đề nghị và lập thông báo biến động theo quy định.

3. Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất cho hộ gia đình, cá nhân khi chưa thành lập chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.

Thời gian thực hiện không quá 25 ngày, cụ thể như sau:

a) Không quá mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ của người đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận, Văn phòng đăng ký cấp huyện thực hiện các công việc theo quy định tại Khoản 3 Điều 77 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và trình Phòng Tài nguyên và Môi trường cùng cấp.

b) Không quá ba (03) ngày, Phòng Tài nguyên và Môi trường trình UBND cấp huyện.

c) Không quá năm (05) ngày, UBND cấp huyện ký Quyết định hủy Giấy chứng nhận đã mất, đồng thời ký cấp lại Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất.

d) Không quá hai (02) ngày, Văn phòng đăng ký cấp huyện trao Giấy chứng nhận cấp lại cho người đề nghị và lập thủ tục đăng ký biến động theo quy định.

Điều 18. Chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng (quy định tại Điều 79 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP)T

Thời gian thực hiện không quá 10 ngày (không bao gồm thời gian thực hiện việc xác định nghĩa vụ tài chính của cơ quan thuế theo quy định tại Khoản 2 Điều này), cụ thể như sau:

1. Không quá năm (05) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Văn phòng, chi nhánh Văn phòng hoặc Văn phòng đăng ký cấp huyện thực hiện theo thẩm quyền công việc quy định tại các Khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 79 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP.

Trường hợp này không kể thời gian cơ quan tài nguyên và môi trường trình UBND cấp có thẩm quyền quyết định thu hồi đất của bên bán, bên góp vốn để cho bên mua, bên nhận góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất tiếp tục thuê đất; ký hợp đồng thuê đất đối với bên mua, nhận góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê; thông báo bằng văn bản cho cơ quan thuế về việc hết hiệu lực của hợp đồng thuê đất đối với người bán, người góp vốn bằng tài sản.

2. Không quá năm (05) ngày kể từ ngày nhận hồ sơ của Văn phòng, chi nhánh Văn phòng hoặc Văn phòng đăng ký cấp huyện chuyển đến, cơ quan thuế có trách nhiệm thông báo nghĩa vụ tài chính cho người sử dụng đất.

3. Không quá năm (05) ngày kể từ ngày người sử dụng đất hoàn thành nghĩa vụ tài chính nộp lại, Văn phòng, chi nhánh Văn phòng hoặc Văn phòng đăng ký cấp huyện tiếp tục thực hiện theo thẩm quyền công việc còn lại quy định tại các Khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 79 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và chỉnh lý Giấy chứng nhận, trao Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất và lập thông báo biến động theo quy định.

Trường hợp người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân đề nghị cấp mới Giấy chứng nhận khi chưa thành lập chi nhánh Văn phòng thì thực hiện tiếp tục thời gian và các công việc theo các Khoản 6, 7, 8 và 9 Điều 9 Quy định này; trường hợp đã thành lập chi nhánh Văn phòng thì thực hiện tiếp tục thời gian và các công việc theo các Khoản 6, 8 và 9 Điều 9 Quy định này và thay trình UBND cấp huyện ký Giấy chứng nhận thành trình Sở Tài nguyên và Môi trường ký Giấy chứng nhận; người sử dụng đất là tổ chức đề nghị cấp mới Giấy chứng nhận thực hiện tiếp tục theo các Khoản 4, 6 và 7 Điều 10 Quy định này.

4. Trường hợp người đang sử dụng đất do nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, nhận tặng cho quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên nhận chuyển quyền sử dụng đất chỉ có Giấy chứng nhận của bên chuyển quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng, giấy tờ về chuyển quyền sử dụng đất theo quy định thì ngoài thời gian thực hiện theo Khoản 1, 2 và 3 Điều này còn được cộng thêm thời gian thực hiện theo Khoản 2 Điều 82 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP.

Điều 19. Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp (quy định tại Điều 86 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP)

Thời gian thực hiện không quá 15 ngày, cụ thể như sau:

1. Trường hợp đính chính cho tổ chức.

a) Không quá chín (09) ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đính chính của người sử dụng đất, Văn phòng thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 86 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và trình Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Không quá hai (02) ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh đính chính Giấy chứng nhận theo thẩm quyền.

c) Không quá ba (03) ngày, Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường ký đính chính Giấy chứng nhận đã cấp theo thẩm quyền.

d) Không quá một (01) ngày kể từ ngày đính chính, Văn phòng trao Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất và lập thông báo biến động theo quy định.

2. Trường hợp đính chính cho hộ gia đình, cá nhân.

a) Không quá chín (09) ngày, kể từ ngày nhận đơn đề nghị đính chính của người sử dụng đất, chi nhánh Văn phòng hoặc Văn phòng đăng ký cấp huyện thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 86 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và trình Phòng Tài nguyên và Môi trường hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường theo thẩm quyền.

b) Không quá hai (02) ngày, Phòng Tài nguyên và Môi trường trình UBND cấp huyện theo thẩm quyền.

c) Không quá ba (03) ngày, Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường ký đính chính theo thẩm quyền.

d) Không quá một (01) ngày kể từ ngày đính chính, chi nhánh Văn phòng hoặc Văn phòng đăng ký cấp huyện trao Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất và lập thông báo biến động theo quy định.

Điều 20. Gia hạn sử dụng đất (quy định tại Khoản 1 Điều 74 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP), thời gian thực hiện không quá 15 ngày, cụ thể như sau:

1. Không quá bảy (07) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tài nguyên và môi trường cấp có thẩm quyền thực hiện các công việc theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 74 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và trình UBND cùng cấp.

Đối với những trường hợp không đủ điều kiện được gia hạn sử dụng đất thì cơ quan tài nguyên và môi trường thông báo cho người sử dụng đất và làm thủ tục thu hồi đất theo quy định.

2. Không quá ba (03) ngày, Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền ký Quyết định gia hạn sử dụng đất.

3. Không quá năm (05) ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ của cơ quan tài nguyên và môi trường, Văn phòng, chi nhánh Văn phòng hoặc Văn phòng đăng ký cấp huyện thực hiện các công việc theo quy định tại Điểm b, d, Khoản 1 Điều 74 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và trao Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất, đồng thời lập thông báo biến động theo quy định.

Điều 21. Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất (quy định tại Khoản 2 và 3 Điều 74 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP)

Không quá năm (05) ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ của người sử dụng đất, chi nhánh Văn phòng hoặc Văn phòng đăng ký cấp huyện thực hiện các công việc quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 74 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và trao Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất và lập thông báo biến động theo quy định.

Điều 22. Đăng ký biến động đối với trường hợp xác nhận vào Giấy chứng nhận đã cấp (quy định tại Điều 84 và Điều 85 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP)

Thời gian thực hiện không quá 10 ngày (không bao gồm thời gian thực hiện của cơ quan quản lý tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp phải lấy ý kiến và thời gian thực hiện việc xác định nghĩa vụ tài chính của cơ quan thuế theo quy định tại Khoản 2 và 3 Điều này), cụ thể như sau:

1. Không quá năm (05) ngày (không kể thời gian của cơ quan quản lý tài sản gắn liền với đất theo Khoản 2 Điều này), Văn phòng, chi nhánh Văn Phòng

hoặc Văn phòng đăng ký cấp có thẩm quyền thực hiện gửi phiếu lấy ý kiến của cơ quan quản lý tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp phải lấy ý kiến. Sau khi có ý kiến của cơ quan quản lý tài sản, Văn phòng, chi nhánh Văn phòng hoặc Văn phòng đăng ký cấp có thẩm quyền thực hiện chuyển thông tin địa chính đến cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính.

2. Không quá năm (05) ngày, cơ quan quản lý nhà nước đối với tài sản gắn liền với đất có trách nhiệm trả lời bằng văn bản cho Văn phòng, chi nhánh Văn phòng hoặc Văn phòng đăng ký cấp có thẩm quyền (nếu có).

3. Không quá năm (05) ngày kể từ ngày nhận hồ sơ của Văn phòng, chi nhánh Văn phòng hoặc Văn phòng đăng ký cấp có thẩm quyền chuyển đến, cơ quan thuế có trách nhiệm thông báo nghĩa vụ tài chính cho người sử dụng đất.

4. Không quá năm (05) ngày kể từ ngày người sử dụng đất hoàn thành nghĩa vụ tài chính nộp lại, Văn phòng, chi nhánh Văn phòng hoặc Văn phòng đăng ký cấp huyện thực hiện công việc quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 84 và Điểm d và đ Khoản 2 Điều 85 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và trao Giấy chứng nhận đã xác nhận thay đổi cho người sử dụng đất và lập thông báo biến động theo quy định.

Điều 23. Đăng ký biến động đối với trường hợp phải cấp mới Giấy chứng nhận (quy định tại quy định tại Điều 84 và Điều 85 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP)

1. Trường hợp người xin đăng ký biến động là tổ chức.

Thời gian thực hiện không quá 15 ngày (không bao gồm thời gian thực hiện của cơ quan quản lý tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp phải lấy ý kiến và thời gian thực hiện việc xác định nghĩa vụ tài chính của cơ quan thuế theo quy định tại Điểm b và c Khoản này), cụ thể như sau:

a) Không quá năm (05) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không kể thời gian của cơ quan quản lý tài sản gắn liền với đất theo quy định tại Điểm b Khoản này), Văn phòng thực hiện công việc quy định tại Khoản 3 Điều 84 và Khoản 2 Điều 85 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP.

b) Không quá năm (05) ngày, cơ quan quản lý nhà nước đối với tài sản gắn liền với đất có trách nhiệm trả lời bằng văn bản cho Văn phòng (nếu có).

c) Không quá năm (05) ngày kể từ ngày nhận hồ sơ của Văn phòng chuyển đến, cơ quan thuế có trách nhiệm thông báo nghĩa vụ tài chính cho người sử dụng đất.

d) Không quá năm (05) ngày kể từ ngày người sử dụng đất hoàn thành nghĩa vụ tài chính nộp lại, Văn phòng tiếp tục thực hiện công việc còn lại theo quy định tại Khoản 3 Điều 84 và Khoản 2 Điều 85 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và trình Sở Tài nguyên và Môi trường.

đ) Không quá ba (03) ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường ký Giấy chứng nhận.

e) Không quá hai (02) ngày, Văn phòng trao Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất và lập thông báo biến động theo quy định.

2. Trường hợp người xin đăng ký biến động là hộ gia đình, cá nhân khi đã thành lập chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.

Thời gian thực hiện không quá 15 ngày (không bao gồm thời gian thực hiện của cơ quan quản lý tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp phải lấy ý kiến và thời gian thực hiện việc xác định nghĩa vụ tài chính của cơ quan thuế theo quy định tại Điểm b và c Khoản này), cụ thể như sau:

a) Không quá năm (05) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không kể thời gian của cơ quan quản lý tài sản gắn liền với đất theo quy định tại Điểm b Khoản này), chi nhánh Văn phòng thực hiện công việc quy định tại Khoản 3 Điều 84 và Khoản 2 Điều 85 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP.

b) Không quá năm (05) ngày, cơ quan quản lý nhà nước đối với tài sản gắn liền với đất có trách nhiệm trả lời bằng văn bản cho chi nhánh Văn phòng (nếu có).

c) Không quá năm (05) ngày kể từ ngày nhận hồ sơ của chi nhánh Văn phòng chuyển đến, cơ quan thuế có trách nhiệm thông báo nghĩa vụ tài chính cho người sử dụng đất.

d) Không quá năm (05) ngày kể từ ngày người sử dụng đất hoàn thành nghĩa vụ tài chính nộp lại, chi nhánh Văn phòng tiếp tục thực hiện công việc còn lại theo quy định tại Khoản 3 Điều 84 và Khoản 2 Điều 85 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và trình Sở Tài nguyên và Môi trường.

đ) Không quá ba (03) ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường ký Giấy chứng nhận.

e) Không quá hai (02) ngày, chi nhánh Văn phòng trao Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất và lập thông báo biến động theo quy định.

3. Trường hợp người xin đăng ký biến động là hộ gia đình, cá nhân khi chưa thành lập chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.

Thời gian thực hiện không quá 15 ngày (không bao gồm thời gian thực hiện của cơ quan quản lý tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp phải lấy ý kiến và thời gian thực hiện việc xác định nghĩa vụ tài chính của cơ quan thuế theo quy định tại Điểm b và c Khoản này), cụ thể như sau:

a) Không quá năm (05) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không kể thời gian của cơ quan quản lý tài sản gắn liền với đất theo Điểm b Khoản này), Văn phòng đăng ký cấp huyện thực hiện công việc quy định tại Khoản 3 Điều 84 và Khoản 2 Điều 85 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP.

b) Không quá năm (05) ngày, cơ quan quản lý nhà nước đối với tài sản gắn liền với đất có trách nhiệm trả lời bằng văn bản cho Văn phòng đăng ký (nếu có).

c) Không quá năm (05) ngày kể từ ngày nhận hồ sơ của Văn phòng đăng ký cấp huyện chuyên đến, cơ quan thuế có trách nhiệm thông báo nghĩa vụ tài chính cho người sử dụng đất.

d) Không quá bốn (04) ngày kể từ ngày người sử dụng đất hoàn thành nghĩa vụ tài chính nộp lại, Văn phòng đăng ký cấp huyện tiếp tục thực hiện công việc còn lại theo quy định tại Khoản 3 Điều 84 và Khoản 2 Điều 85 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và trình Phòng Tài nguyên và Môi trường cùng cấp.

đ) Không quá hai (02) ngày, Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện trình UBND cấp huyện.

e) Không quá ba (03) ngày, UBND cấp huyện ký Giấy chứng nhận.

f) Không quá một (01) ngày, Văn phòng đăng ký cấp huyện trao Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất.

Điều 24. Chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần; từ hình thức Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất; từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất (quy định tại Điều 85 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP)

1. Trường hợp xác nhận vào Giấy chứng nhận đã cấp.

Thời gian thực hiện không quá 25 ngày (không bao gồm thời gian thực hiện việc xác định nghĩa vụ tài chính của cơ quan thuế theo quy định tại Điểm b Khoản này), cụ thể như sau:

a) Không quá năm (05) ngày, Văn phòng, chi nhánh Văn phòng hoặc Văn phòng đăng ký cấp huyện thực hiện theo thẩm quyền kiểm tra hồ sơ, chuyển thông tin địa chính đến cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính.

b) Không quá năm (05) ngày kể từ ngày nhận hồ sơ của Văn phòng, chi nhánh Văn phòng hoặc Văn phòng đăng ký cấp huyện chuyên đến, cơ quan thuế có trách nhiệm thông báo nghĩa vụ tài chính cho người sử dụng đất.

c) Không quá bảy (07) ngày kể từ ngày người sử dụng đất hoàn thành nghĩa vụ tài chính nộp lại, Văn phòng, chi nhánh Văn phòng hoặc Văn phòng đăng ký cấp huyện thực hiện theo thẩm quyền công việc quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 85 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, chuyển hồ sơ đến cơ quan tài nguyên và môi trường cùng cấp.

d) Không quá mười (10) ngày cơ quan tài nguyên và môi trường thông báo cho người sử dụng đất ký hoặc ký lại Hợp đồng thuê đất đối với trường hợp phải thuê đất và chuyển cho Văn phòng, chi nhánh Văn phòng hoặc Văn phòng đăng ký cấp huyện.

đ) Không quá ba (03) ngày, Văn phòng, chi nhánh Văn phòng hoặc Văn phòng đăng ký cấp huyện thực hiện theo thẩm quyền chỉnh lý, cập nhật biến động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai và trao Giấy chứng nhận đã xác nhận thay đổi cho người sử dụng đất và lập thông báo biến động theo quy định.

2. Trường hợp phải cấp mới Giấy chứng nhận.

Thời gian thực hiện không quá 30 ngày (không bao gồm thời gian thực hiện việc xác định nghĩa vụ tài chính của cơ quan thuế quy định tại Điểm b Khoản này), cụ thể như sau:

a) Không quá năm (05) ngày, Văn phòng, chi nhánh Văn phòng hoặc Văn phòng đăng ký cấp huyện thực hiện theo thẩm quyền kiểm tra hồ sơ, chuyển thông tin địa chính đến cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính.

b) Không quá năm (05) ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ của Văn phòng, chi nhánh Văn phòng hoặc Văn phòng đăng ký cấp huyện chuyển đến, cơ quan thuế có trách nhiệm thông báo nghĩa vụ tài chính cho người sử dụng đất.

c) Không quá bảy (07) ngày, kể từ ngày người sử dụng đất hoàn thành nghĩa vụ tài chính nộp lại, Văn phòng, chi nhánh Văn phòng hoặc Văn phòng đăng ký cấp huyện thực hiện theo thẩm quyền công việc quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 85 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, chuyển hồ sơ đến cơ quan tài nguyên và môi trường.

d) Không quá mười lăm (15) ngày cơ quan tài nguyên và môi trường thông báo cho người sử dụng đất ký hoặc ký lại Hợp đồng thuê đất đối với trường hợp phải thuê đất, đồng thời ký cấp Giấy chứng nhận và chuyển cho Văn phòng, chi nhánh Văn phòng hoặc Văn phòng đăng ký cấp huyện.

đ) Không quá ba (03) ngày, Văn phòng, chi nhánh Văn phòng hoặc Văn phòng đăng ký cấp huyện thực hiện theo thẩm quyền chỉnh lý, cập nhật biến động vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai và trao Giấy chứng nhận đã xác nhận thay đổi cho người sử dụng đất và lập thông báo biến động theo quy định.

Điều 25. Xóa đăng ký góp vốn quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (quy định tại Điều 80 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP)

Không quá năm (05) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Văn phòng, chi nhánh Văn phòng hoặc Văn phòng đăng ký cấp huyện thực hiện theo thẩm quyền các công việc theo quy định tại Khoản 2 Điều 80 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP.

Trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận cho bên góp vốn thì thực hiện thời gian theo Điều 16 quy định này.

Điều 26. Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (quy định tại Điều 80 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP)

Không quá ba (03) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Văn phòng, chi nhánh Văn phòng hoặc Văn phòng đăng ký cấp huyện thực hiện theo thẩm quyền các công việc theo quy định tại Khoản 2 Điều 80 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP.

Chương IV

THỜI GIAN THỰC HIỆN ĐĂNG KÝ THỂ CHẤP BẰNG QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

Điều 27. Đăng ký thế chấp

Thời gian thực hiện: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Điều 28. Xóa đăng ký thế chấp

Thời gian thực hiện: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Chương V

CƠ CHẾ PHỐI HỢP CUNG CẤP THÔNG TIN CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN VÀ THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH

Điều 29. Cung cấp thông tin

1. Trường hợp cấp Giấy chứng nhận cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân nước ngoài được nhận quyền sở hữu nhà ở tại Việt Nam: Không quá năm (05) ngày, kể từ ngày trao Giấy chứng nhận cho người được cấp Giấy chứng nhận, chi nhánh Văn phòng hoặc Văn phòng đăng ký cấp huyện có trách nhiệm lập danh sách các trường hợp thuộc thẩm quyền gửi cho Văn phòng, Văn phòng có trách nhiệm tổng hợp gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Xây dựng để theo dõi, quản lý.

2. Trường hợp cấp Giấy chứng nhận có nội dung chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất: Không quá năm (05) ngày, kể từ ngày nhận Giấy chứng nhận được cơ quan có thẩm quyền cấp, Văn phòng, chi nhánh Văn phòng hoặc Văn phòng đăng ký cấp huyện có trách nhiệm sao y bản chính các trường hợp thuộc thẩm quyền (đóng dấu của Văn phòng, chi nhánh Văn phòng hoặc Văn phòng đăng ký cấp huyện) gửi cho cơ quan quản lý tài sản gắn liền với đất cùng cấp để tổng hợp, theo dõi.

Điều 30. Luân chuyển hồ sơ

1. Các cơ quan giải quyết hồ sơ cấp Giấy chứng nhận phải trực tiếp luân chuyển hồ sơ, vào sổ theo dõi và ký nhận.

2. Việc chuyển bản sao Giấy chứng nhận có nội dung chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho cơ quan quản lý tài sản gắn liền với đất (quy định tại Khoản 2 Điều 29 Quy định này), Văn phòng, chi nhánh Văn phòng hoặc Văn phòng đăng ký cấp huyện chuyển bằng đường bưu điện hoặc chuyển trực tiếp đến cơ quan có thẩm quyền.

3. Việc chuyển thông tin và nhận Thông báo thực hiện nghĩa vụ tài chính, Văn phòng và cơ quan thuế, cơ quan tài nguyên và môi trường và cơ quan tài chính phải trực tiếp luân chuyển hồ sơ, vào sổ theo dõi và ký nhận.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 31. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm phối hợp các sở, ngành chức năng có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề khó khăn vướng mắc, các sở, ngành, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để nghiên cứu, trình UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT.CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Thành Nghiệp